

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/6/2024.
V/v: “Ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng;
Bà Nguyễn Thị Hiền.*

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 76/2024/TLST-HNGĐ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

- Ông Huỳnh Trần P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2024, bản tự khai, các biên bản hoà giải bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Trần P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc có 02 con chung là cháu Huỳnh P, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Huỳnh Gia P2, sinh ngày 08/01/2015. Thời gian sau

do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Bà và ông P không thể hoà giải, hàn gắn và đã ly thân. Nay bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trần P cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân, bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trần P.
2. Về con chung, bà và ông P có 02 con chung là cháu Huỳnh P, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 08/01/2015. Hiện cháu Phú đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 08/01/2015 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Tài sản chung, nợ chung phải thu, nợ chung phải trả không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật đối với ông Huỳnh Trần P để tham gia phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, bà Nguyễn Thị Thu T đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Huỳnh Trần P chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung, tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết ly hôn nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T về hôn nhân, con chung, tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và kết quả nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trần P. Quan hệ tranh chấp được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng thì có cơ sở xác định ông Huỳnh Trần P có nơi cư trú tại số 30/2, khu phố 2, phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, bà Nguyễn Thị Thu T có mặt. Ông Huỳnh Trần P đã được Toà án triệu tập theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không lý do. Toà án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt ông P là có cơ sở.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Huỳnh Trần P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Bến

Tre, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2006. Quá trình giải quyết vụ án, không có đương sự nào cho rằng việc kết hôn này là trái quy định pháp luật nên hôn nhân của bà T và ông P là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân: Bà T cho rằng bà và ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ, chồng không cùng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân giữa bà T và ông P không đạt được. Bà T và ông P đã ly thân, không còn chung sống với nhau.

Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã triệu tập ông Huỳnh Trần P tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Triệu tập ông P tham gia phiên toà nhằm tạo điều kiện cho bà T, ông P hoà giải đoàn tụ. Tuy nhiên, ông P vắng mặt không lý do. Vì vậy có căn cứ xác định ông Huỳnh Trần P có ý thức bỏ mặt việc khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thu T. Quá trình giải quyết vụ án, bà T vẫn cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông Huỳnh Trần P. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng bà T, ông P không còn đảm bảo được các nguyên tắc này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Huỳnh Trần P.

[2.2]. Về con chung: Bà T khai nhận bà và ông P có 02 con chung là cháu Huỳnh P, sinh ngày 18/4/2006 và cháu Huỳnh Gia P, sinh ngày 08/01/2015. Hiện cháu Phú đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Gia Phát, sinh ngày 08/01/2015.

Căn cứ vào Biên bản hỏi ý kiến con chung từ 07 tuổi đến 18 tuổi ngày 21/3/2024 của cháu Huỳnh Gia P, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu P về thể chất, tinh thần và nhằm tôn trọng ý kiến của cháu Phát thì cần giao cháu P cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Thu T.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu ông Huỳnh Trần P cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của bà T nên Tòa án ghi nhận. Trường hợp, bà T có yêu cầu ông Huỳnh Trần P cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4]. Về tài sản chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về nợ phải thu và nợ phải trả: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000(Ba trăm nghìn)đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0001074 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp xong.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Huỳnh Trần P.

Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn đối với ông Huỳnh Trần P.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Gia Phát, sinh ngày 08/01/2015. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí, bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0001074 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (Báo cáo);
- Chi cục THADS tp. Bến Tre;
- UBND phường 4, TP. Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền

Trần Văn Hưng

Trần Thành Ngọc

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (Báo cáo);
- Chi cục THADS tp. Bến Tre;
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thành Ngọc

